



2023 Canadian Bridge Championships

National Teams - CNTC-A

Round Robin - Day 2



Teams	Rank	Total	Adj.	Rounds 1-7	Round 8		Round 9		Round 10		Round 11		Round 12		Round 13		Round 14		Round 15	
					vs	VP	vs	VP	vs	VP	vs	VP	vs	VP	vs	VP	vs	VP	vs	VP
1 L'Écuyer	2	199.37	0.00	106.01	v15	15.50	BYE	10.00	v14	5.32	v12	14.09	v10	5.91	v8	20.00	v6	14.96	v4	7.58
2 Hanna	7	147.87	0.00	76.92	v4	6.55	v3	11.27	v7	5.91	v11	8.73	v15	6.55	v14	1.32	v10	17.50	v6	13.12
3 Martineau	9	143.99	0.00	57.23	v6	6.22	v2	8.73	v5	16.90	v9	8.73	v13	13.12	BYE	10.00	v12	3.32	v8	19.74
4 Janicki	5	157.52	0.00	59.25	v2	13.45	v5	12.77	v9	12.77	v13	10.00	BYE	10.00	v12	14.09	v8	12.77	v1	12.42
5 Kovacevic	14	125.10	0.00	61.21	v8	8.73	v4	7.23	v3	3.10	v7	13.78	v11	6.55	v15	7.95	v14	6.55	v10	10.00
6 Zheng	10	138.90	0.00	64.95	v3	13.78	v7	14.96	v11	15.75	v15	1.63	v14	5.91	v10	10.00	v1	5.04	v2	6.88
7 Zhang	6	151.64	0.00	62.57	v10	7.58	v6	5.04	v2	14.09	v5	6.22	v9	18.21	v13	18.37	BYE	10.00	v12	9.56
8 Luo	13	126.61	0.00	54.62	v5	11.27	v9	17.69	v13	13.12	BYE	10.00	v12	12.42	v1	0.00	v4	7.23	v3	0.26
9 Kersey	12	128.68	0.00	73.90	v12	15.50	v8	2.31	v4	7.23	v3	11.27	v7	1.79	v11	3.54	v15	7.23	v14	5.91
10 Yu	11	135.15	0.00	70.27	v7	12.42	v11	2.31	v15	4.00	v14	9.56	v1	14.09	v6	10.00	v2	2.50	v5	10.00
11 Todd	4	174.17	0.00	81.49	v14	9.56	v10	17.69	v6	4.25	v2	11.27	v5	13.45	v9	16.46	v13	10.00	BYE	10.00
12 Chen	8	145.59	0.00	68.34	v9	4.50	v13	16.23	BYE	10.00	v1	5.91	v8	7.58	v4	5.91	v3	16.68	v7	10.44
13 Burns	15	92.71	0.00	42.52	BYE	10.00	v12	3.77	v8	6.88	v4	10.00	v3	6.88	v7	1.63	v11	10.00	v15	1.03
14 Feldman	1	208.48	0.00	100.94	v11	10.44	v15	11.67	v1	14.68	v10	10.44	v6	14.09	v2	18.68	v5	13.45	v9	14.09
15 Jacob	3	174.22	0.00	69.78	v1	4.50	v14	8.33	v10	16.00	v6	18.37	v2	13.45	v5	12.05	v9	12.77	v13	18.97